

Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở thư viện trường đại học

Nguyễn Hoàng Nam¹, Phạm Minh Giản²

¹ Email: hoangnamdthu@gmail.com

² Email: phamminhgian2004@gmail.com

Trường Đại học Đồng Tháp
783 Phạm Hữu Lầu, thành phố Cao Lãnh,
tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

TÓM TẮT: Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thư viện ở trường đại học là một nội dung cần thiết, quan trọng nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động thư viện phục vụ đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo, đặc biệt là công tác quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở thư viện trường đại học. Bài viết trình bày tầm quan trọng, nội dung và những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở thư viện trường đại học.

TỪ KHÓA: Quản lý; ứng dụng công nghệ thông tin; thư viện trường đại học.

→ Nhận bài 05/4/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 10/5/2019 → Duyệt đăng 25/6/2019.

1. Đặt vấn đề

Thư viện là cầu nối giữa thông tin và người dùng tin. Thư viện là bộ phận không thể thiếu trong cơ cấu tổ chức của một trường đại học (ĐH). Thư viện là một yếu tố căn bản và quan trọng, là thước đo đánh giá chất lượng, hiệu quả đào tạo của các trường ĐH. Trong những năm qua, thư viện ở trường ĐH đã không ngừng đổi mới phương thức và hiệu quả hoạt động. Nhiều thư viện đã chuyển dần từ thư viện truyền thống sang thư viện hiện đại, ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ mới vào hoạt động thư viện. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào hoạt động thư viện sẽ phát huy vai trò của thư viện, là nơi cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, nhanh chóng và đa dạng cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên của nhà trường. Hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện càng nâng cao chất lượng, hiệu quả khi có sự quản lý (QL) tốt về công tác này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tầm quan trọng của quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở thư viện trường đại học

Sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã, đang tạo cho thư viện các trường ĐH những thuận lợi và cơ hội như sau:

- Vị thế và vai trò của thư viện có sự gia tăng với việc ứng dụng các thành tựu khoa học, CNTT và truyền thông. Thư viện đã và đang mang đến cho người dùng tin những cơ hội tiếp nhận thông tin và tri thức mở ngoài phạm vi của các bức tường thư viện.

- Thư viện có thêm cơ hội để phát triển bộ sưu tập số. Tài liệu mở và truy cập đã được phát triển tại nhiều nước trên thế giới. Với việc sử dụng các nguồn tài liệu mở, tài liệu số của các tổ chức, cá nhân để làm giàu thêm bộ sưu tập của mình, tạo các liên kết để dẫn dắt người dùng tin đến các trang thông tin điện tử, để người dùng tin có thể tìm thêm các thông tin cần thiết.

- Thư viện có thể thực hiện việc truyền thông, cung cấp

các sản phẩm, dịch vụ và truy cập tài liệu cho người dùng tin mọi lúc mọi nơi, không bị giới hạn về không gian, thời gian.

- Thư viện có thể phát triển số lượng bạn đọc trực tuyến và tham gia vào việc cung cấp các khóa E-learning không bị giới hạn về địa điểm.

Chính vì vậy, QL tốt hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

2.1.1. Hỗ trợ cho hoạt động dạy - học

Mục tiêu quan trọng nhất đối với đổi mới hoạt động dạy - học là tạo ra những con người có khả năng tự định hướng học tập, tự học thường xuyên, biết chọn lọc, xử lý thông tin và có khả năng sáng tạo tri thức, tự tin hội nhập vào thị trường lao động “chất xám” quốc tế đầy tính cạnh tranh. Đây là xu thế tất yếu trong xã hội thông tin.

a. Đối với giảng viên

Đội ngũ giảng viên phải là những người nắm vững kiến thức và các kĩ năng chuyên môn. Để có được kiến thức đó, đòi hỏi giảng viên phải sưu tầm, khai thác thông tin trên sách, trên các phương tiện lưu trữ thông tin truyền thống và hiện đại. Nếu giảng viên nắm bắt, cập nhật được những thông tin mới thường xuyên và vận dụng phù hợp với quá trình giảng dạy thì bài giảng sẽ sinh động, phong phú và đi sát với thực tế hơn. Bên cạnh đó, để giúp sinh viên, học viên trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học thì giảng viên ngoài việc cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo chính, cần yêu cầu sinh viên phải tìm tòi, nghiên cứu tài liệu về từng lĩnh vực khoa học. Nơi có khả năng cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin nhất, mới nhất cho họ đó chính là thư viện.

b. Đối với sinh viên, học viên

Nhờ những tiện ích mà một thư viện hiện đại mang lại đã hỗ trợ giảng viên trong việc nêu vấn đề và hướng dẫn sinh viên, học viên giải quyết vấn đề thông qua việc tìm kiếm, nghiên cứu tài liệu với sự hỗ trợ của nguồn tài liệu có trong thư viện. Nếu sinh viên, học viên tìm tài liệu, khai thác tài

liệu hiệu quả thì chất lượng học tập sẽ được nâng cao rõ rệt, giúp rèn luyện tính độc lập, sáng tạo và xóa lối học thụ động, khuyến khích việc tự học, tự nghiên cứu, kích thích sự chủ động của sinh viên, học viên. Đồng thời, cũng là cơ hội để họ chủ động khám phá, thực hành, phát triển những kiến thức, kỹ năng thu nhận được [1].

2.1.2. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học

Trong quá trình nghiên cứu, các nhà khoa học phải dành phần lớn thời gian cho việc sưu tầm, tập hợp, nghiên cứu tài liệu. Vì vậy, sự phong phú, đa dạng về nội dung và hình thức của những tài liệu có trong thư viện sẽ tạo điều kiện thuận lợi, giúp cho các nhà khoa học tiết kiệm thời gian, công sức trong quá trình nghiên cứu.

2.2. Nội dung quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở thư viện

2.2.1. Quản lý cơ sở hạ tầng thông tin

Để hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện được thuận lợi thì đội ngũ cán bộ trong thư viện phải nắm được mục tiêu, nhiệm vụ và cách thức thực hiện những mục tiêu đó. Hoạt động QL sẽ không có hiệu quả, mục tiêu sẽ không hoàn thành nếu người cán bộ QL không làm cho mọi người hiểu được nhiệm vụ của họ và phương pháp đạt được những mục tiêu đã đề ra. Dựa trên yêu cầu sử dụng, phát triển và tình hình thực tế của nhà trường để trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện.

Để trang bị cơ sở hạ tầng thông tin cho các hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện, cần phải biết huy động mọi nguồn lực phục vụ cho công tác QL, thực hiện quá trình chuẩn hóa, hiện đại hóa thư viện. Từng bước tiến hành trang bị đồng bộ, đầy đủ và bố trí hợp lý cơ sở vật chất kỹ thuật và các trang thiết bị hiện đại cho công tác nghiệp vụ và QL ở thư viện.

Người cán bộ QL phải biết khích lệ, động viên, đôn đốc đội ngũ cán bộ để họ phát huy cao nhất năng lực của mình, để hoàn thành mục tiêu ứng dụng CNTT trong hoạt động thư viện. Việc phát triển cơ sở hạ tầng thông tin nhằm ứng dụng CNTT trong hoạt động ở thư viện trường ĐH sẽ phụ thuộc rất lớn vào hoạt động QL. Bên cạnh việc khích lệ, động viên cán bộ làm việc thì người cán bộ QL phải thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các công việc được phân công để kịp thời phát hiện sai phạm, ngăn chặn, xử lý.

Quá trình phát triển cơ sở hạ tầng thông tin nhằm ứng dụng CNTT trong hoạt động ở thư viện rất cần thiết, phải có quá trình kiểm tra, giám sát chặt chẽ, tránh việc phát triển không đồng bộ, không mang tính tập trung và phù hợp.

2.2.2. Quản lý phần mềm ứng dụng

QL phần mềm ứng dụng chủ yếu là QL chất lượng phần mềm ứng dụng trong hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện. Chất lượng phần mềm theo quan điểm lập trình, đó chính là chất lượng của chương trình. Vấn đề là làm như thế nào để chương trình chạy giống như thiết kế. Chất lượng phần mềm theo quan điểm của người sử dụng, đó là chất lượng

thiết kế. Vấn đề là làm thế nào để thiết kế đáp ứng nhu cầu của người sử dụng. Phần mềm phải đáp ứng được các yêu cầu cần thiết trong bản thiết kế phần mềm. Phần mềm thực hiện đúng với chức năng được đặc tả trong bản thiết kế chương trình. Phần mềm phải đáp ứng được tất cả các nhu cầu sử dụng mà người dùng yêu cầu.

Chất lượng của phần mềm đó là độ tin cậy, là tính chính xác, tính ổn định, tính an toàn của phần mềm. Kể từ khi máy tính trở thành hạ tầng mới của xã hội, độ tin cậy của phần mềm trở nên hết sức quan trọng đối với hoạt động xã hội. Một phần mềm tốt không những đáp ứng nhu cầu của người phát triển mà còn phải đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của người sử dụng và có độ tin cậy cao.

Sản xuất phần mềm ngày nay không còn đơn thuần mang tính sáng tạo ngẫu hứng như trước đây, mà đang trở thành một lĩnh vực được kiểm soát chặt chẽ theo những tiêu chuẩn nhất định. Các tiêu chuẩn có thể là kinh nghiệm hoặc các phương pháp hiệu quả nhất được đề xuất từ các hội nghề nghiệp hoặc các quy tắc chuẩn hóa để giao tiếp giữa các sản phẩm với nhau. Các tiêu chuẩn được chọn và thể hiện sao cho khi sử dụng các khía cạnh kỹ thuật cần thiết sẽ được nhấn mạnh, tránh trường hợp hiểu sai.

Ngoài ra, chất lượng của phần mềm còn thể hiện ở việc phải đảm bảo tính phù hợp, chính xác, tương tác, thực hiện đúng, an toàn; Ti lệ trực trặc thấp, khả năng kháng lỗi, khả năng khôi phục được, dễ hiểu, dễ học, dễ dùng; Đáp ứng được về thời gian, đáp ứng được về tài nguyên; Phân tích được, thay đổi được, ổn định, kiểm thử được; Thích nghi được, có thể thay thế được.

Trong lĩnh vực thư viện, để ứng dụng CNTT vào trong quá trình hoạt động thì một trong những yếu tố quan trọng đầu tiên là chọn phần mềm cho phù hợp với điều kiện thực tiễn ở thư viện thì quá trình ứng dụng CNTT mới đạt hiệu quả cao.

Hiện nay, thư viện của các trường ĐH đang dùng một số phần mềm chủ yếu là của các công ti trong nước xây dựng và phát triển như phần mềm ILIB của Công ty CMC; LIBOL của Công ty Tinh Vân; VEBRARY của Công ty Lạc Việt; ... Có nhiều phần mềm thư viện của các công ti khác nhau nhưng có một điểm chung đó là đáp ứng các yêu cầu của quy trình nghiệp vụ thư viện như sau:

- Phần mềm thư viện phải phát triển trên những công nghệ hiện đại nhất của CNTT cho phép dễ dàng cập nhật, nâng cấp, có khả năng mở rộng và là hệ thống đa người dùng, có thiết kế mở để có thể tích hợp với các hệ thống khác.

- Phải bảo đảm an toàn dữ liệu, hỗ trợ chuẩn định dạng XML, làm việc với giao thức truyền thông Internet TCP/IP, giao diện tựa Web đối với người sử dụng.

- Phần mềm phải chạy trên mạng theo các chuẩn công nghệ về truyền thông của môi trường Internet/Intranet theo mô hình Client/Server, trong đó các Client ở máy trạm chỉ là các trình duyệt Web giao diện bằng tiếng Việt.

- Không đòi hỏi các trạm làm việc phải cài đặt những thành phần phụ trợ nào khác ngoài trình duyệt Web để đơn giản việc sử dụng, bảo trì, nâng cấp và mở rộng hệ thống

cũng như đảm bảo tương thích với các máy trạm có cấu hình cao, thấp khác nhau.

- Phần mềm thư viện cho phép không hạn chế số lượng máy trạm, kể cả máy trạm nghiệp vụ và máy trạm tra cứu; Có khả năng đưa phân hệ OPAC phục vụ trên hệ thống Internet khi có điều kiện về đường truyền. Tính ổn định và tốc độ của phần mềm phải được kiểm định thực tế, đặc biệt phần mềm cần đáp ứng tốt đối với cả các cơ sở dữ liệu lớn; Hệ thống cơ sở dữ liệu phải có cơ chế sao lưu thông minh và dễ dàng khôi phục khi có sự cố.

2.2.3. Quản lý nguồn lực thông tin

QL trường ĐH phải dựa vào 04 nguồn lực, đó là nguồn lực con người, nguồn lực tài chính, nguồn lực vật chất và nguồn lực thông tin để đảm bảo chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học. Nguồn lực thông tin góp phần quan trọng trong việc xây dựng nguồn lực nhà trường. QL nguồn lực thông tin là nội dung quan trọng trong QL giáo dục ở cấp vĩ mô, cũng như cấp vi mô, cần phải được coi là một hoạt động QL của trường ĐH.

QL hiệu quả nguồn lực thông tin trong thư viện đóng vai trò góp phần nâng cao chất lượng và đổi mới hoạt động dạy - học của nhà trường. QL nguồn lực thông tin bao gồm các nội dung sau: Xác định nguồn thông tin; Phân loại và đánh giá nguồn thông tin được cung cấp; Cách thức phân loại, xử lý và lưu trữ nguồn thông tin.

QL nguồn lực thông tin là QL sách, báo, tài liệu nghe nhìn, cơ sở dữ liệu... QL nguồn lực thông tin ở thư viện trường ĐH là sự kết hợp giữa việc lập kế hoạch, đánh giá, xử lý thông tin, sử dụng có hiệu quả nguồn lực thông tin, kinh phí đầu tư, trang thiết bị, cơ sở vật chất và sự phát huy tốt nhất khả năng của con người để đạt đến mục tiêu chung của trường ĐH và mục tiêu riêng của mỗi người.

Nguồn lực thông tin thu thập được phải phù hợp cả về nội dung và hình thức. Nguồn lực thông tin phải được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó cần chú trọng đến sự liên kết, hợp tác giữa các thư viện trong công tác bổ sung và chia sẻ nguồn tài liệu điện tử thông qua mạng Internet.

Nguồn lực thông tin trong thư viện phải được thực hiện dưới sự hỗ trợ của máy tính và phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực thư viện. Nguồn lực thông tin phải được QL khoa học để người dùng tin có thể tra cứu, tìm kiếm và sử dụng dễ dàng. Không hạn chế về thời gian, không gian và số lượng người sử dụng. Mức độ đáp ứng nhu cầu của người dùng tin cũng là tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả QL nguồn lực thông tin trong thư viện.

Chính vì vậy, muốn QL và phát triển nguồn lực thông tin thư viện các trường ĐH, ngoài việc ứng dụng CNTT, cần phải chú ý tăng cường hợp tác trao đổi và chia sẻ nguồn lực thông tin, mở rộng hợp tác quốc tế, tôn trọng các quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ. Các sản phẩm và dịch vụ thư viện trong môi trường số hóa cần được đóng gói dưới dạng có thể sử dụng dễ dàng trong các loại hình cơ sở dữ liệu, trên các máy tính đơn lẻ và mạng các máy tính. Những sản phẩm này cũng cần chú ý đến khả năng tương tác của

người dùng trên các máy tính và khả năng truy cập qua mạng Internet...

2.2.4. Quản lý nguồn nhân lực

QL nguồn nhân lực là việc tuyển chọn, tuyển dụng, duy trì, phát triển, sử dụng, đánh giá và giữ gìn một lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu công việc, về mặt số lượng và chất lượng của tổ chức. QL nguồn nhân lực là hoạt động đảm bảo đội ngũ cán bộ, nhân viên trong thư viện đáp ứng đủ các yêu cầu của công việc, mà đặc biệt là yêu cầu đối với nhân lực trong hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện. Theo tác giả Đoàn Phan Tân, nhân lực trong một thư viện tự động hóa gồm các thành phần sau đây: Kỹ sư tin học: Giám sát, vận hành và bảo trì hệ thống; Nhà phân tích hệ thống: Nghiên cứu các lĩnh vực ứng dụng tự động hóa; Nhà lập trình: Viết các chương trình cho máy tính, giải quyết các công việc do nhà phân tích đặt ra; Thao tác viên: Vận hành và khai thác hệ thống; Cán bộ chuyên môn lĩnh vực thư viện: Vận hành, xây dựng và khai thác hệ thống [2].

Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động thư viện, ngoài các yêu cầu khả năng thu thập, xử lý, tổ chức và cung cấp thông tin, tài liệu thì cán bộ thư viện còn phải có khả năng phân tích, biến đổi, đánh giá thông tin, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của người dùng tin. Những thay đổi trong cơ cấu và những yêu cầu về khả năng của nhân lực trong hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện đã đặt ra những vấn đề đối với QL nhân lực trong thư viện. Người cán bộ QL cần vận dụng linh hoạt những nội dung thuộc các chức năng QL hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện để thực hiện các công việc như sau:

- Xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực là một nội dung rất quan trọng trong hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện. Hoạt động này nhằm đảm bảo được sự ổn định cho phát triển nhân lực trong thư viện cả về số lượng và chất lượng.

- Tổ chức nhân lực, công việc này liên quan đến việc thực hiện chức năng trong hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện, trong đó những vấn đề cần quan tâm đối với QL gồm mô hình cơ cấu tổ chức và biên chế nhân sự trong cơ cấu tổ chức. Một mô hình cơ cấu tổ chức mềm dẻo, linh hoạt, với sự sắp xếp nhân sự hợp lý sẽ là yếu tố quyết định đến hiệu quả QL nhân lực.

- Tạo động lực cho người lao động, người QL phải hiểu rằng nguồn nhân lực chỉ có thể hoạt động thực sự có hiệu quả khi được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ. Người cán bộ QL phải hướng dẫn, giúp đỡ họ thực hiện vai trò xã hội, những chức năng, nghĩa vụ và quyền hạn của họ với tư cách là một chủ thể hoạt động, đảm bảo cho người lao động có thể phát huy tốt nhất năng lực của mình.

2.3. Vai trò của các chủ thể quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở thư viện

Chủ thể QL là những người làm việc trong tổ chức, điều khiển công việc của người khác, có chuyên môn, nghiệp vụ và chịu trách nhiệm trước kết quả hoạt động của họ. Trong

trường ĐH, những chủ thể QL về hoạt động thư viện là lãnh đạo nhà trường, các cán bộ thư viện trường học...

2.3.1. Lãnh đạo trường

Để hoạt động ứng dụng CNTT trong nhà trường nói chung và ở thư viện nói riêng diễn ra được thuận lợi, có hiệu quả trong việc góp phần nâng cao chất lượng và hỗ trợ các hoạt động đào tạo của nhà trường, đòi hỏi lãnh đạo trường phải có tầm nhìn đúng đắn, sâu sắc về vai trò của việc ứng dụng CNTT như:

- Đầu tư kinh phí mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động thư viện.

- Tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ thư viện học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất là việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực thư viện.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách đãi ngộ cho đội ngũ cán bộ làm công tác thư viện.

Lãnh đạo trường là người lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát con người, tài chính, vật chất và thông tin một cách có hiệu quả để đạt được mục tiêu.

2.3.2. Cán bộ quản lý thư viện

Cán bộ QL thư viện là người phụ trách đơn vị, có vai trò rất quan trọng trong hoạt động của các thư viện. Trong thời đại ngày nay, người cán bộ QL thư viện phải thực hiện một khối lượng công việc lớn, yêu cầu đòi hỏi cao, tính chất công việc nặng nề, phức tạp. Cán bộ QL thư viện đề ra những nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ cho cấp dưới, xác định cụ thể những công việc cần làm, thời gian hoàn thành, kiểm tra công việc và đưa ra những chỉ dẫn cần thiết để nhân viên hiểu rõ trách nhiệm của mình. Người cán bộ QL là đại biểu cho lợi ích của đội ngũ cán bộ mà họ lãnh đạo.

Cán bộ QL phải có kiến thức, hiểu và nắm được pháp luật, đặc biệt là những luật có liên quan đến lĩnh vực mình QL. Ngoài ra, người cán bộ QL phải am hiểu chuyên môn, có tư duy khoa học, tri thức QL ngành nghề chuyên môn. Có khả năng tiến hành đối ngoại, trình bày những suy nghĩ của mình một cách hợp lý và khái quát. Có kỹ năng hoạch định chiến lược phát triển cho đơn vị đúng hướng. Cần có năng lực tổ chức QL một cách khoa học. Nắm vững các phương pháp, nguyên tắc trong QL để áp dụng trong thực tiễn QL.

Trong hoạt động QL, người cán bộ QL phải dự đoán được khuynh hướng phát triển của thư viện trong tương lai để định hướng cho hoạt động của thư viện trong thời điểm hiện tại. Cán bộ QL cần có khả năng kiểm tra, đánh giá kết quả công việc ở mọi quá trình; Biết được ưu điểm, nhược điểm, biết cách khắc phục, áp dụng thành tựu khoa học công nghệ mới, hiện đại vào hoạt động thư viện.

Cán bộ QL không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp QL cho bản thân và cho đội ngũ cán bộ của cơ quan mình; Biết phát hiện và ủng hộ cái mới, khuyến khích các sáng kiến, các kinh nghiệm, biết phân tích hoạt động của các bộ phận chức năng, phát

huy những khả năng tiềm ẩn trong đội ngũ cán bộ.

Đối với hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện, người cán bộ QL cần phải thể hiện vai trò của mình, đặc biệt là trong vai trò quyết định. Bởi chính người QL sẽ là người quyết định vấn đề ứng dụng CNTT trong hoạt động thư viện. Do vậy, đòi hỏi người QL phải có cái nhìn sâu sắc về vấn đề ứng dụng CNTT cũng như phải biết cách sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên môn để tham mưu, giúp việc cho mình trong việc ra quyết định lựa chọn ứng dụng CNTT cho đúng đắn và đạt hiệu quả cao nhất.

2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở thư viện trường đại học

2.4.1. Các yếu tố chủ quan

a. Nhận thức

Để hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện đạt hiệu quả cao, đòi hỏi lãnh đạo trường, cán bộ QL và cán bộ thư viện phải có nhận thức đúng về:

- Tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT ở thư viện trong công tác phục vụ các hoạt động dạy – học và nghiên cứu cứu khoa học của nhà trường.

- Cách tiếp cận và các định hướng trong hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện.

- Các nguyên tắc, quy trình xây dựng, phát triển và QL hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện.

Nhận thức là yếu tố quan trọng có ý nghĩa quyết định cho chất lượng QL hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện. Nhận thức đúng sẽ có sự chỉ đạo đúng đắn, kịp thời. Đồng thời, cần có sự đầu tư về các nguồn lực và thực hiện đúng, hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT.

b. Trình độ, năng lực

Nhận thức đúng về tầm quan trọng của hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện nhưng hạn chế về năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động ứng dụng CNTT. Năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hạn chế sẽ không thể có được một kế hoạch có tính hệ thống, đồng bộ, sẽ hạn chế nhiều về sự bắt cập, tính hiện đại, khả năng đáp ứng yêu cầu trong công tác QL của hoạt động ứng dụng CNTT. Do vậy, các chủ thể QL cần chú trọng đến các biện pháp nâng cao năng lực, trình độ ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ QL và cán bộ thư viện, tạo cơ sở nền tảng để hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện được thực hiện có hiệu quả và đạt kết quả như mong muốn.

Trong giai đoạn hiện nay, đội ngũ cán bộ QL và cán bộ thư viện cần có những kiến thức và kỹ năng để ứng dụng CNTT trong hoạt động thư viện, như sau: Kiến thức cơ bản về CNTT; Kỹ năng sử dụng máy tính; Kỹ năng khai thác và sử dụng mạng Internet; Kỹ năng sử dụng các phần mềm QL thư viện và các phần mềm hỗ trợ khác; Kỹ năng sử dụng các thiết bị CNTT trong công tác chuyên môn nghiệp vụ và phục vụ người dùng tin.

2.4.2. Các yếu tố khách quan

a. Điều kiện về tài lực - vật lực

Ứng dụng CNTT trong hoạt động thư viện gắn liền với

những yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị CNTT và kinh phí. Để hoạt động ứng dụng CNTT đạt hiệu quả cao, cần có kinh phí để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị CNTT, phần mềm, biên soạn tài liệu, bồi dưỡng về kỹ năng CNTT, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp... nhưng vẫn còn hạn chế về kinh phí nên chưa có sự đầu tư đồng bộ và hiện đại.

Kinh phí đóng vai trò quan trọng đối với mọi hoạt động ứng dụng CNTT. Hạn chế về kinh phí cũng sẽ ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện. Vì vậy, cần phải có những biện pháp huy động mọi nguồn lực ở trong và ngoài nhà trường để đầu tư ngày càng đồng bộ, hiện đại cơ sở vật chất, thiết bị CNTT. Đồng thời, cần có kế hoạch sử dụng hiệu quả và bảo quản tốt cơ sở vật chất và thiết bị CNTT để hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động thư viện được đạt hiệu quả như mong muốn.

b. Sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

Trước sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, thư viện các trường ĐH cần thay đổi cách thức cung cấp dịch vụ và phương thức hoạt động để hoàn thành sứ mệnh của mình là cung cấp thông tin và tri thức một cách có hiệu quả. Nếu thư viện trường ĐH không xây dựng nguồn lực thông tin phong phú, đặc biệt là xây dựng các bộ sưu tập số với một hệ thống các cơ sở dữ liệu cùng với các siêu dữ liệu có khả năng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng thì thư viện sẽ mất đi vị thế của mình với vai trò là nơi cung cấp thông tin và tri thức.

Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ đặt ra thêm các thách thức

về an toàn thông tin, về bảo mật dữ liệu và sẽ đặt ra, nhất là khi dữ liệu sẽ có ở khắp mọi nơi. Cần thực hiện như thế nào để dữ liệu được trao đổi một cách an toàn giữa các hệ thống là một vấn đề đặt ra. Bên cạnh đó, đảm bảo chất lượng và sự trong sạch của dữ liệu cũng là một thách thức. Môi trường thư viện hiện đại đòi hỏi cán bộ thư viện phải có thêm nhiều phẩm chất, trình độ và kỹ năng mới ngoài các nghiệp vụ thư viện thông thường [3].

3. Kết luận

QL hoạt động ứng dụng CNTT ở thư viện trường ĐH cần chú trọng đến QL cơ sở hạ tầng thông tin, QL phần mềm ứng dụng, QL nguồn lực thông tin, QL nguồn nhân lực. Việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, CNTT vào trong hoạt động thư viện giúp rút ngắn quá trình xử lý tài liệu, tiết kiệm thời gian cho cán bộ thư viện. Phục vụ người dùng tin được nhanh chóng, dễ dàng, rút ngắn thời gian tìm kiếm tài liệu, nhằm đáp ứng đầy đủ những thông tin mà người dùng tin cần. Với việc áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến đã thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các thư viện, từ đó góp phần tích cực vào việc “*Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế QL giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ QL giáo dục là khâu then chốt*” [4] và thực hiện sứ mệnh phục vụ cho các hoạt động giáo dục và đào tạo.

Tài liệu tham khảo

- | | |
|--|---|
| <p>[1] Lê Quỳnh Chi, (2008), <i>Thư viện đại học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo</i>, Tạp chí Thư viện Việt Nam, số 2 (14), tr.18-21.</p> <p>[2] Đoàn Phan Tân, (2009), <i>Tin học tư liệu</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>[3] Vũ Dương Thúy Nga, (2018), <i>Thư viện trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0</i>, http://lib.tlu.edu.vn/tin-tuc-noi-bat/thu-vien-trong-cach-mang-cong-nghiep-4-0-13157.</p> | <p>[4] Chính phủ, (2012), <i>Quyết định số 711/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Phát triển giáo dục 2011-2020</i>, Hà Nội.</p> <p>[5] Đại học Quốc gia Hà Nội, (2018), <i>Thư viện thông minh 4.0 công nghệ - dữ liệu - con người</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.</p> <p>[6] Trần Thị Quý - Đỗ Văn Hùng, (2006), <i>Tự động hóa trong hoạt động thông tin thư viện</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> |
|--|---|

MANAGING ICT APPLICATION ACTIVITY IN UNIVERSITY LIBRARIES

Nguyen Hoang Nam¹, Pham Minh Gian²

¹ Email: hoangnamdthu@gmail.com

² Email: phamminhgian2004@gmail.com

Dong Thap University
783 Pham Huu Lau, Cao Lanh, Dong Thap, Vietnam

ABSTRACT: *Applying ICT in managing university libraries is an essential and important activity to enhance the efficiency of these libraries to meet the demands of the innovation in educational and training, especially in the ICT application management. This article aims to present the importance, contents, and factors impacting on this activity.*

KEYWORDS: *Manage; applying ICT; university libraries.*